TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH Đ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2022/KDTM-ST
Ngày: 30/6/2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Công Danh**

Bà **Huỳnh Thị Kim Kiên**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Thành Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B***: Bà **Trương Thị Mỹ Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 75/2022/TLST-KDTM ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: **Công ty cổ phần S.**

Trụ sở: Số 46-48, đường N, phường A, thành phố T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hoàng T – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1981 và bà Phan Thị Ánh D, sinh năm 1997.

Địa chỉ liên lạc: Số 46-48, đường N, phường A, thành phố T, thành phố H.

Theo giấy uỷ quyền số 53 ngày 27/06/2022.

- Bị đơn: **Công ty TNHH T**

Trụ sở: Số 436, đường p, khu phố 1, phường t, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Hữu Đ, sinh năm 1986 – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

Địa chỉ: Số 402B1, Chung cư 213, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H, bà D, ông Đ có đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/06/2019, Công ty CP S (sau đây gọi tắt là Công ty Siêu Thị Thế Giới Nhà) - Bên bán và Công ty TNHH T(sau đây gọi tắt là: Công ty G-Cons) - Bên mua đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 505/2019/HĐKT/TGN về việc cung cấp bê tông thương phẩm phục vụ thi công công trình Aqua City tại xã Long Hưng, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Từ khi giao kết hợp đồng, Công ty S đã cấp bê tông thương phẩm cho Công ty G và xuất các Hóa đơn GTGT cho Công ty G làm cơ sở thanh toán, với tổng số tiền bê tông thương phẩm đã cấp tính theo đơn giá trên hợp đồng là: 743.779.000 đồng. Tính đến hết ngày 12/10/2020 Công ty G đã thanh toán cho Công ty Svới tổng số tiền là: 591.375.000 đồng. Số tiền còn lại mà Công ty G chưa thanh toán cho Công ty S là: 152.404.000 đồng. Đến ngày 29/04/2021, Công ty G thanh toán cho Công ty S được số tiền 5.000.000 đồng nợ gốc thì không thanh toán được nữa dù chúng tôi đã nhiều lần yêu cầu, nhắc nhở.

Nay, Công ty S khởi kiện ra Tòa án buộc Công ty G thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ cho Công ty S là 224.751.201 đồng, bao gồm nợ gốc là 147.404.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng là 1,5%/tháng tạm tính đến ngày 30/6/2022 là: 77.347.201 đồng được thể hiện cụ thể trong bảng tính lãi trả chậm thanh toán đính kèm.

Ngoài ra, không trình bày gì thêm, không có tài liệu, chứng cứ gì khác để nộp và cũng không có yêu cầu gì. Bà H và bà D đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình xét xử tại Toà án.

- Đại diện bị đơn ông Đinh Hữu Đ trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của đại diện nguyên đơn về việc ký kết Hợp đồng kinh tế số 505/2019/HĐKT/TGN ngày 11/06/2019 về việc cung cấp bê tông thương phẩm phục vụ thi công công trình Aqua City tại xã Long Hưng, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và quá trình thực hiện hợp đồng.

Nay, Công ty S khởi kiện ra Tòa án buộc Công ty G thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ cho Công ty S bao gồm nợ gốc là 147.404.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng là 1,5%/tháng tạm tính đến ngày 15/04/2022 là: 71.745.849 đồng thì ông xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 147.404.000 đồng và đồng ý trả, còn đối với số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu thì ông không đồng ý và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên hoà giải, để tạo điều kiện cho Công ty G thanh toán cho nguyên đơn, nguyên đơn đồng ý chỉ yêu cầu số tiền gốc và lãi, tổng cộng là 200.000.000 đồng nhưng bị đơn phải thanh toán mỗi tháng cho nguyên đơn 50.000.000 đồng thì ông không đồng ý vì bị đơn không có có khả năng thanh toán và lãi suất.

Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm, không có tài liệu, chứng cứ gì khác để nộp và cũng không có yêu cầu gì. ông đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình xét xử tại Toà án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH t phải thanh toán cho Công ty cổ phần S số tiền 224.751.201 đồng, trong đó nợ gốc là 147.404.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng là 1,5%/tháng tạm tính đến ngày 30/6/2022 là: 77.347.201 đồng.Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền của Tòa án:

Công ty TNHH t có trụ sở chính tại số 436, đường P, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố B.

[4] Về xác định tư cách đương sự:

Công ty cổ phần S khởi kiện Công ty TNHH t nên căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định Công ty cổ phần S là nguyên đơn, Công ty TNHH t là bị đơn.

[5] Về thời hiệu khởi kiện: Đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên không xem xét.

[6] Về nội dung vụ án:

Các bên đương sự đều thống nhất về thời điểm ký kết, nội dung hợp đồng và mục đích ký kết hợp đồng kinh tế số 505/2019/HĐKT/TGN ngày 11/06/2019 về việc cung cấp bê tông thương phẩm phục vụ thi công công trình Aqua City tại xã Long Hưng, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và quá trình thực hiện hợp đồng.

Công ty Gxác nhận còn nợ Công ty cổ phần S số tiền gốc là 147.404.000 đồng và đồng ý trả, còn đối với số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu thì ông Đ không đồng ý và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và thoả thuận hợp đồng kinh tế giữa các bên thì cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 147, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 24, 306 Luật thương mại 2005.

Áp dụng Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá"* với Công ty TNHH t.

Buộc Công ty TNHH t phải thanh toán cho Công ty cổ phần S số tiền 224.751.201 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi mốt ngàn, hai trăm lẻ một đồng), trong đó tiền gốc là 147.404.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng là 1,5%/tháng tạm tính đến ngày 30/6/2022 là: 77.347.201 đồng.

2. Về án phí: Công ty TNHH t phải chịu 11.237.000 đồng (Mười một triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 4.920.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000042 ngày 20/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP B;
- Chi cục THADS TP B;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Cẩm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Trung Diễn **Thiều Thị Phi Loan** **Trần Thị Cẩm**